

Số: 99/2022/QĐST-HNGĐ

H, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Hằng N, sinh năm 2000
Địa chỉ: Ấp TĐB, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
- Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1993
Địa chỉ: Ấp PM, xã ĐTA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Hằng N, sinh năm 2000, địa chỉ: Ấp Tân Điền B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau với anh Trần Văn V, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp PM, xã ĐTA, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Hằng N và anh Trần Văn V thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh V xác định anh, chị có một con chung tên Trần Thị Bảo T, sinh ngày 06/3/2020, cháu T hiện do chị N nuôi dưỡng. Chị N và anh V thống nhất thoả thuận giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N và anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh V thống nhất xác định anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng do các bên đương sự thuận tình ly hôn nên các đương sự phải chịu 50% mức án phí theo quy định (mỗi bên phải chịu 25%). Chị N phải chịu 75.000 đồng đồng, anh V phải chịu số tiền 75.000 đồng, qua hòa giải chị N tự nguyện chịu án phí cho anh V. Chị N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002241 ngày 20/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000 đồng, hoàn trả cho chị N số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

3. Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- UBND xã TAK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ni